

Bản án số: 25/2018/DS-PT

Ngày: 31-01-2018

V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chung.

Các Thẩm phán:

Ông Y Phi Kbuôr.

Bà Trần Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Phan Văn Hoàn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 153/2017/TLPT-DS ngày 18/10/2017, về việc “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2017/DS-ST ngày 21/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 229/2017/QĐPT-DS ngày 18/12/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Chu Thị Hồng L, sinh năm 1964; (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Đường Q, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1975; Địa chỉ: Đường N, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (*có mặt*).

2. Bị đơn:

- Ông Nguyễn Khắc B (*Vắng mặt*);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường T, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc H (*Vắng mặt*);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường T, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người kháng cáo: Bà Chu Thị Hồng L – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Qua quen biết giữa chồng bà Chu Thị Hồng L với ông Nguyễn Khắc B, ngày 26/4/2011, vợ chồng ông Nguyễn Khắc B, bà Nguyễn Thị Ngọc H vay bà L 200.000.000 đồng; ngày 29/4/2011, vợ chồng ông B, bà H vay tiếp 200.000.000 đồng. Cả hai lần vay đều không có lãi suất, không có biện pháp bảo đảm tiền vay và ông B đều viết “Giấy mượn tiền” và hẹn đến ngày 30/5/2011 sẽ trả. Tuy nhiên, từ đó đến nay ông B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ; bà L cũng đã đòi nợ nhiều lần nhưng ông B thường lẩn tránh, đến nay thì ông B bỏ đi không báo cho chủ nợ.

Về việc sử dụng tiền vay, theo bà L được biết thì ông B, bà H đã mua nhà, đất ở đường T, thành phố B (Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 05/4/2012 tại Văn phòng công chứng D; ông B bà H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 9008xx ngày 13/6/2012). Do vậy, bà L yêu cầu ông B, bà H đều phải có nghĩa vụ trả nợ 400.000.000 đồng cho bà và lãi suất phát sinh theo quy định từ khi đến hạn trả nợ đến nay.

** Tại bản tự khai, các đơn trình bày, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:*

Bà H và ông Nguyễn Khắc B kết hôn từ năm 2005 và ở trọ trên hẻm đường C, phường L. Do ông B thường mê bài bạc, cá độ bóng đá nên vợ chồng mâu thuẫn gay gắt. Năm 2010, hai vợ chồng sống ly thân. Năm 2012, vì con cái nên ông B và bà H về đoàn tụ và sinh sống tại số nhà đường T, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Đoàn tụ được một thời gian ngắn, ông B bỏ bê vợ con, thường hay ở lại nhà bạn bè, sau đó rất ít khi về nhà, bà H phải một mình chăm hai con. Khoảng 2, 3 năm trở lại đây, ông B rất ít khi về nhà thăm vợ, con, chỉ H phải tự nuôi con và vẫn ở đường T, còn 02 con phải gửi về nhà ông bà ngoại tại đường D nhờ trông nom. Do không thể hàn gắn được nên ngày 14/02/2017, hai vợ chồng bà ly hôn theo Quyết định của Tòa án nhân dân thành phố B.

Đối với 02 khoản vay mà bà L yêu cầu trả nợ, bà H không hề hay biết ông B có vay hay không, vay mục đích gì, từ khi vay đến nay cũng không thấy bà L đến đòi nợ. Căn nhà đường T là do bà mua năm 2012, ông B không có đóng góp gì nên bà không có trách nhiệm trả nợ cho bà L.

* Quá trình làm việc, Tòa án cấp sơ thẩm không tổng đạt được các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Khắc B nên tiến hành niêm yết tại địa chỉ đường T, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tại Bản kết luận số 35/PC54 ngày 07/7/2017, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký, chữ viết đúng tên Nguyễn Khắc B trong các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 (hai Giấy mượn tiền) so với chữ ký, chữ viết đúng tên Nguyễn Khắc B trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3, M4 (Biên bản hòa giải phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Biên bản lấy lời khai, biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa

giải thành; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng D công chứng ngày 05/4/2012) là do cùng một người ký và viết ra.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2017/DS-ST ngày 21/8/2017, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định: Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 161, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ Điều 471, Điều 474, khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị Hồng L.

Buộc ông Nguyễn Khắc B trả cho bà Chu Thị Hồng L 400.000.000 đồng tiền nợ gốc và 221.128.700 đồng tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ trả nợ; Tổng cả gốc và lãi là 621.128.700 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Chu Thị Hồng L về việc buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H phải có trách nhiệm cùng ông Nguyễn Khắc B trả cho bà L số nợ trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí và chi phí giám định: Ông Nguyễn Khắc B phải chịu 28.845.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 4.200.000 đồng tiền chi phí giám định.

Hoàn trả cho bà Chu Thị Hồng L 10.000.000 đồng số tiền tạm ứng án phí bà Lê Thị Thanh H đã nộp thay bà Chu Thị Hồng L tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B theo Biên lai thu số AA/2016/0000427 ngày 16/5/2017; bà Chu Thị Hồng L được nhận lại số tiền 4.200.000 đồng tạm ứng chi phí giám định khi thu được từ ông Nguyễn Khắc B.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/8/2017, nguyên đơn bà Chu Thị Hồng L có đơn kháng cáo một phần nội dung bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Khắc B và bà Nguyễn Thị Ngọc H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Chu Thị Hồng L số tiền 400.000.000 đồng và tiền lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện; bị đơn vắng mặt.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa:

- Về phần thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm cũng như đa số đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với ông Nguyễn Khắc B và bà Nguyễn Thị Ngọc

H, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, là không tuân thủ đầy đủ các quy định của luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

- Về nội dung: Ông Nguyễn Khắc B đứng ra vay số tiền 400.000.000 đồng vào ngày 26/4/2011 và ngày 29/4/2011. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BK 9008xx do UBND thành phố B cấp cho ông Nguyễn Khắc B, bà Nguyễn Thị Ngọc H được ký kết và cấp vào năm 2012. Năm 2017, hai vợ chồng ông B, bà H ly hôn. Do đó, có căn cứ cho rằng tiền vay được sử dụng vào mục đích mua nhà đất, nhu cầu thiết yếu của vợ chồng. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định hết thời hiệu khởi kiện nhưng buộc bị đơn trả lãi là bất lợi cho bị đơn và không đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận một phần đơn kháng cáo của nguyên đơn – Sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Buộc ông Nguyễn Khắc B và bà Nguyễn Thị Ngọc H phải liên đới trả cho bà Chu Thị Hồng L 400.000.000 đồng tiền nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của kiểm sát viên.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Khắc B cố tình lẩn tránh, không có mặt tại địa chỉ thường trú đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; bà Nguyễn Thị Ngọc H thường xuyên vắng mặt tại địa chỉ trên và từ chối tham gia tố tụng nên việc Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm tiến hành thủ tục niêm yết và xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Tại điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 quy định giao dịch dân sự được xác lập trước thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu được áp dụng theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 149 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu của đương sự. Trong vụ án này, hợp đồng vay tài sản giữa bà Chu Thị Hồng L và ông Nguyễn Khắc B được xác lập năm 2011, bị đơn không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu, nên đây là vụ án về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”. Việc Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng thời hiệu yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng vay đã hết để xác định vụ án này thuộc tranh chấp “Kiện đòi tài sản” là không đúng.

[2] Xét kháng cáo của bà Chu Thị Hồng L về việc yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H có nghĩa vụ liên đới với ông Nguyễn Khắc B trả tiền vay, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Bản kết luận số 35/PC54 ngày 07/7/2017, Phòng kỹ thuật hình sự

Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký, chữ viết đúng tên Nguyễn Khắc B trong hai Giấy mượn tiền so với chữ ký, chữ viết đúng tên Nguyễn Khắc B trong Biên bản hòa giải phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Biên bản lấy lời khai, biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng D công chứng ngày 05/4/2012 là do cùng một người ký và viết ra. Như vậy, hai ngày 26/4/2011 và ngày 29/4/2011, ông B đã vay bà L 400.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn trả nợ vào ngày 30/5/2011, không thỏa thuận về lãi.

Ông B và bà H kết hôn từ năm 2005, ly hôn vào ngày 14/02/2017 nên việc ông B vay tiền của bà L là trong thời kỳ hôn nhân. Ngoài ra, theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng D công chứng ngày 05/4/2012 thì ông B và bà H cùng nhau xác lập Hợp đồng và cả hai cùng đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BK 9008xx do UBND thành phố B ngày 13/6/2012. Mặt khác, khoản 1 Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, việc bà Nguyễn Thị Ngọc H cho rằng ông B vay tiền của bà L nhưng không sử dụng số tiền vay vào chi tiêu trong gia đình mà tiêu xài cá nhân hết; nhà và đất tại địa chỉ đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là tài sản riêng của bà, ông B không đóng góp gì là không có căn cứ.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của nguyên đơn bà Chu Thị Hồng L là có căn cứ nên cần chấp nhận để sửa bản án sơ thẩm, buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H phải có trách nhiệm liên đới với ông Nguyễn Khắc B trả tiền gốc và tiền lãi cho bà L.

[3] Về án phí sơ thẩm và chi phí giám định:

Do sửa bản án sơ thẩm nên cần xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Khắc B và bà Nguyễn Thị Ngọc H phải liên đới chịu 28.845.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 4.200.000 đồng tiền chi phí giám định. Chia theo phần: Ông Nguyễn Khắc B, bà Nguyễn Thị Ngọc H, mỗi người phải chịu 14.422.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 2.100.000 đồng tiền chi phí giám định.

Bà Chu Thị Hồng L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí giám định.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận kháng cáo nên bà Chu Thị Hồng L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 148,

Điều 161, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 471, Điều 474, khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm c, d khoản 1 Điều 688, khoản 2 Điều 149 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Chu Thị Hồng L - Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 64/2017/DS-ST ngày 21/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Chu Thị Hồng L.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Khắc B và bà Nguyễn Thị Ngọc H phải liên đới trả cho bà Chu Thị Hồng L 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*) tiền nợ gốc và 221.128.700 đồng (*Hai trăm hai mươi một triệu một trăm hai mươi tám ngàn bảy trăm đồng*) tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ trả nợ; Tổng cả gốc và lãi là 621.128.700 đồng (*Sáu trăm hai mươi một triệu một trăm hai mươi tám ngàn bảy trăm đồng*). Chia theo phần: Ông Nguyễn Khắc B, bà Nguyễn Thị Ngọc H, mỗi người phải trả cho bà Chu Thị Hồng L số tiền 310.564.400 đồng (*Ba trăm mười triệu năm trăm sáu mươi tư ngàn bốn trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] **Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí giám định:** Bị đơn ông Nguyễn Khắc B và bà Nguyễn Thị Ngọc H phải liên đới chịu 28.845.000 đồng (*Hai mươi tám triệu tám trăm bốn mươi lăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và 4.200.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm ngàn đồng*) tiền chi phí giám định. Chia theo phần: Ông Nguyễn Khắc B, bà Nguyễn Thị Ngọc H, mỗi người phải chịu 14.422.500 đồng (*Mười bốn triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và 2.100.000 đồng (*Hai triệu một trăm ngàn đồng*) tiền chi phí giám định.

Hoàn trả cho bà Chu Thị Hồng L 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) số tiền tạm ứng án phí bà Lê Thị Thanh H đã nộp thay bà Chu Thị Hồng L tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B theo Biên lai thu số AA/2016/0000427 ngày 16/5/2017; bà Chu Thị Hồng L được nhận lại số tiền 4.200.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm ngàn đồng*) tạm ứng chi phí giám định khi thu được từ ông Nguyễn Khắc B và bà Nguyễn Thị Ngọc H.

[3] **Về án phí dân sự phúc thẩm:** Nguyên đơn bà Chu Thị Hồng L không

phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông Phan D nộp thay ông Phạm Văn N (người đại diện theo ủy quyền của bà L) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2017/0000304 ngày 28/8/2017.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Đương sự;
- Công Thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Chung